TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày 26-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2025/TLST-DS ngày 20/10/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1974, địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà Lê Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T có quan hệ quen biết nên ngày 01/9/2015 bà P cho bà T hốt 01 đầu huê với số tiền 12.500.000 đồng, có viết giấy mượn tiền (giấy do chính bà T viết và ký tên) nhưng trong giấy mượn tiền không ghi thời gian trả nợ và lãi suất nhưng thực tế bà P và bà T có thỏa thuận bằng miệng với nhau với mức lãi suất 20%/năm (1,6%/tháng), với mức lãi suất 1,6%/tháng tức mỗi tháng bà T phải trả cho bà P số tiền lãi là 1,6% x 12.500.000 đồng = 200.000 đồng. Bà T vay từ ngày 01/9/2015 đến ngày 01/6/2025 là 117

tháng, bà T đã trả cho bà P được 33 tháng tiền lãi còn lại 84 tháng tiền lãi chưa trả với tổng số tiền cụ thể (1,6%/tháng x 12.500.000 đồng) x 84 tháng = 16.800.000đồng. Bà P đã nhiều lần đòi nợ bà T nhưng bà T vẫn không trả nợ.

Nay bà Lê Thị Kim P yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà P số tiền là 29.300.000 đồng, trong đó tiền gốc 12.500.000 đồng và tiền lãi 16.800.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền gốc cho đến khi vụ án giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P có đơn xin rút một phần khởi kiện về yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền gốc 12.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: Được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P, buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 12.500.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Kim P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim P rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền lãi 16.800.000 đồng và số tiền lãi phát sinh của số tiền gốc cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà P là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện mà bà T đã rút.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy viết tay ngày 01/9/2025 thể hiện bà T có hốt huê của bà P với số tiền 12.500.000 đồng, không có thời hạn, không thỏa thuận về lãi suất. Giấy vay do bà T viết và ký. Phía nguyên đơn cho rằng thực tế bà P1 bà T có thỏa thuận bằng miệng với mức lãi suất 20%/năm, bà T có trả cho bà P 33 tháng tiền lãi nhưng không cung cấp tài liệu thể hiện về việc các bên có thỏa thuận tiền lãi và trả lãi. Phía bị đơn ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có đủ cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không có lãi. Vì vậy, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngày 09/6/2025 bà P đã có giấy thông báo đòi nợ yêu cầu bà T trả tiền (bút lục 04) nhưng bà T vẫn không trả, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà P khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc và tiền lãi. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà P có đơn xin rút một phần yêu cầu về lãi, chỉ yêu cầu buộc bà T trả cho bà P số tiền gốc với số tiền 12.500.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P không phải chịu án phí vì yêu cầu được Toà án chấp nhận. Hoàn trả nguyên đơn bà P số tiền 732.500 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc bị đơn Nguyễn Thị T phải chịu 625.000đồng (12.500.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền nợ gốc 12.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P về phần yêu cầu tính lãi với số tiền 16.800.000 đồng và số tiền lãi phát sinh của số tiền gốc cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

3. Về án phí:

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim P số tiền 732.500 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001591 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1-. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Như

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị HoaNguyễn Thị Bình Nguyễn Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thanh Thủy **Lê Thị Hồng Trinh** **Nguyễn Thị Thanh Như**